

Số: 370/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;*

*Căn cứ Quyết định số 2779/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Khu vực sông Láng Thέ, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 48/TTr-STC ngày 20/3/2023 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Khu vực sông Láng Thέ, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.
- Địa điểm đầu tư: Xã Đại Phước, huyện Càng Long.
- Thời gian khởi công: Ngày 30/12/2020.
- Thời gian hoàn thành: Ngày 22/10/2021.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán của dự án được phê duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	<b>Tổng số:</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>54.417.065.527</b>
1	Bồi thường, HT TĐC	-	-
2	Xây dựng	50.115.533.774	49.449.395.000
3	Thiết bị	-	-
4	Quản lý dự án	1.092.063.041	1.027.530.000
5	Chi phí tư vấn	3.121.429.258	3.076.960.527
6	Chi phí khác	1.554.216.782	863.180.000
7	Dự phòng	4.116.757.145	-

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư dự án được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>54.417.065.527</b>	<b>54.000.000.000</b>	<b>417.065.527</b>	<b>-</b>
1	Vốn đầu tư công	60.000.000.000	54.417.065.527	54.000.000.000	417.065.527	-
1.1	Vốn NSNN	60.000.000.000	54.417.065.527	54.000.000.000	417.065.527	-
	- Vốn NSTW	60.000.000.000	54.417.065.527	54.000.000.000	417.065.527	-
	- Vốn NS tỉnh	-	-	-	-	-
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	-	-	-	-
2	Vốn khác (nếu có)	-	-	-	-	-

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số:</b>			<b>54.417.065.527</b>	
1. Tài sản dài hạn:			54.417.065.527	
2. Tài sản ngắn hạn:				

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>		<b>54.417.065.527</b>	
1	Vốn đầu tư công	54.417.065.527	
1.1	Vốn NSNN	54.417.065.527	
	- Vốn NSTW	54.417.065.527	
	- Vốn NS tỉnh	-	
1.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật	-	
2	Vốn khác (nếu có)	-	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 03 tháng 02 năm 2023 là:

- Tổng nợ phải trả: 417.065.527 đồng.

- Tổng nợ phải thu: 417.065.527 đồng.

Chi tiết các khoản công nợ theo số phải thu, phải trả của từng đơn vị tại Phụ lục kèm theo.

1.3. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục bàn giao tài sản cho đơn vị tiếp nhận theo đúng quy định; thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, Sở Tài chính và chịu trách nhiệm giải trình với các cơ quan chức năng theo báo cáo thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của Sở Tài chính.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Tiếp nhận, hạch toán ghi tăng tài sản và quản lý đúng quy định hiện hành:

*Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn	Tài sản ngắn hạn
<b>Tổng số</b>		<b>54.417.065.527</b>	
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác công trình Thủy lợi Trà Vinh	54.417.065.527	

3. Trách nhiệm của các đơn vị, các cơ quan có liên quan:

Hoàn tất thủ tục thanh toán với chủ đầu tư theo khối lượng thực hiện và giá trị quyết toán được phê duyệt tại Quyết định này.

4. Các nghiệp vụ khác: Không.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Trà Vinh, Chủ đầu tư và Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 5;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Cty TNHH MTV QLKT CTTL TV;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng CNXD;
- Lưu: VT, KT. 08

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**



**Phụ lục**

**Dự án: Khu vực sông Láng Thố, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh**

(Kèm theo Quyết định số: 370/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

*ĐVT: Đồng*

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung công việc	Giá trị Sở Tài chính thẩm tra	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ	
					Phải trả (6=4-5)	Phải thu (7=5-4)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4-5)	(7=5-4)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư XD Đại Đông Hải	Xây dựng	49.449.395.000	49.197.822.473	251.572.527	-
2	Cty CP Tư vấn và Đầu tư PT An Giang	Thiết kế BVTC-TDT	892.000.000	802.800.000	89.200.000	-
3	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán	76.293.000	-	76.293.000	-
4	Ngân sách Trung ương	Công nợ	-	-	-	417.065.527
<b>Tổng cộng</b>					<b>417.065.527</b>	<b>417.065.527</b>